



BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT Năm 2008

Công ty cổ phần chứng khoán

Thủ Đức

Trụ sở chính: tầng 3 tòa nhà Ocean
Park, số 1 Đào Duy Anh, Đống Đa,
Hà Nội

I. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2008.

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Nội dung	Số đầu năm	Số cuối năm
I	Tài sản ngắn hạn	117.030.581.822	46.115.560.021
1	Tiền	74.302.579.458	34.170.337.808
2	Các khoản đầu tư chứng khoán và đầu tư ngắn hạn khác	34.672.357.139	7.884.342.453
	- Chứng khoán tự doanh	38.137.298.646	14.553.540.027
	- Dự phòng giảm giá chứng khoán và đầu tư ngắn hạn	-3.464.941.507	-6.669.197.574
3	Các khoản phải thu	6.271.478.132	2.382.337.604
4	Vật liệu, công cụ tồn kho	0	0
5	Tài sản ngắn hạn khác	1.784.167.093	1.678.542.156
II	Tài sản dài hạn	39.717.065.730	33.896.022.204
1	Tài sản cố định	3.795.617.672	5.713.778.353
	- Tài sản cố định hữu hình	2.756.643.676	4.651.945.078
	- Tài sản cố định thuê tài chính	0	0
	- Tài sản cố định vô hình	1.038.973.996	1.061.833.275
2	Các khoản đầu tư chứng khoán và đầu tư dài hạn khác	33.841.368.500	26.116.592.500
	- Đầu tư Chứng khoán dài hạn của CTy CK	33.841.368.500	34.355.628.500
	- Dự phòng giảm giá Chứng khoán đầu tư dài hạn khác	0	-8.239.036.000
3	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	0	0
4	Tài sản dài hạn khác	2.080.079.558	2.065.651.351
III	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	156.747.647.552	80.011.582.225
IV	Nợ phải trả	91.899.608.212	31.826.872.151

1	Nợ ngắn hạn	91.899.608.212	31.826.872.151
2	Nợ dài hạn	0	0
VI	Nguồn vốn chủ sở hữu	64.848.039.340	48.184.710.074
1	Vốn góp ban đầu	60.000.000.000	75.736.670.000
2	Vốn bổ sung	0	0
3	Các quỹ và lợi nhuận chưa phân phối	4.848.039.340	-27.551.959.926
4	Vốn điều chỉnh	0	0
VII	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	156.747.647.552	80.011.582.225

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

STT	Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
1	Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán	13.844.444.992	27.957.286.731
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	8.620.982	48.121.874
3	Doanh thu thuần	13.835.824.010	27.909.164.857
4	Thu lãi đầu tư	1.065.694.064	352.409.945
5	Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán và lãi đầu tư	14.901.518.074	28.261.574.802
6	Chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán	42.571.538.981	17.341.308.527
7	Lợi nhuận gộp	-27.670.020.907	10.920.266.275
8	Chi phí quản lý	4.732.546.697	4.170.110.442
9	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh chứng khoán	-32.402.567.604	6.750.155.833
10	Lợi nhuận ngoài hoạt động kinh doanh	2.568.338	28.781.050
11	Tổng lợi nhuận trước thuế	-32.399.999.266	6.778.936.883
12	Lợi nhuận tính thuế (Lợi nhuận trước thuế - lãi đầu tư)	-33.465.693.330	6.426.526.938
13	Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp	0	1.799.427.543
14	Lợi nhuận sau thuế	-32.399.999.266	4.979.509.340
15	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	-4.277,98	829,92
16	Cổ tức trên mỗi cổ phiếu	0	0

010307
CÔNG TY
CỔ PHẦN
ỨNG KHO
THỦ ĐỘ
ĐÀ - TP.

uyy

III. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kỳ trước	Kỳ báo cáo
1	Cơ cấu tài sản	%		
	- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản		25,34	42,36
	- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản		74,66	57,64
2	Cơ cấu nguồn vốn	%		
	- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn		58,63	39,78
	- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn		41,37	60,22
3	Khả năng thanh toán	Lần		
	- Khả năng thanh toán nhanh		1,27	1,44
	- Khả năng thanh toán hiện hành		0,81	1,07
4	Tỷ suất lợi nhuận	%		
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản		3,18	-40,49
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần		17,84	-234,17
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu		7,68	-67,24

Tổng Giám đốc (Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



Trương Quốc Hùng

